



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.06S.2025.1677>

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC CHO HỌC SINH CỦA CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Phan Trọng Nam^{1*} và Nguyễn Thị Hạnh Xuân²

¹Phòng Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp

*Tác giả liên hệ, Email: ptnam@dthu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 23/9/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 14/10/2025; Ngày duyệt đăng: 24/10/2025

Tóm tắt

Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh của các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Bình Phước theo các chức năng: Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra - đánh giá và quản lý điều kiện đảm bảo. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu đối với cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú của tỉnh Bình Phước. Kết quả cho thấy các trường đã đạt nhiều kết quả tích cực: Cán bộ quản lý và giáo viên và học sinh nhận thức rõ vai trò của giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc; Nội dung văn hóa dân tộc được lồng ghép vào dạy học, hoạt động ngoại khóa và trải nghiệm; Môi trường giáo dục đa văn hóa được hình thành; Sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng từng bước phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, công tác lập kế hoạch còn thiếu tính hệ thống; hoạt động còn mang tính phong trào; cơ sở vật chất, học liệu, kinh phí còn hạn chế; kiểm tra - đánh giá chưa thường xuyên; năng lực tổ chức hoạt động của giáo viên chưa đồng đều. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất năm biện pháp quản lý: (1) Nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc; (2) Đổi mới tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc; (3) Tăng cường công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc; (4) Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc; (5) Đảm bảo các điều kiện cho hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc. Các biện pháp này nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc trong các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Bình Phước.

Từ khóa: Bản sắc văn hóa dân tộc, Bình Phước, hoạt động giáo dục, quản lý giáo dục, trường phổ thông dân tộc nội trú.

Trích dẫn: Phan, T. N., & Nguyễn, T. H. X. (2025). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh của các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Bình Phước. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(06S), 66-78. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.06S.2025.1677>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

THE CURRENT SITUATION OF MANAGING ETHNIC CULTURAL IDENTITY EDUCATION ACTIVITIES FOR STUDENTS AT ETHNIC MINORITY BOARDING SCHOOLS IN BINH PHUOC PROVINCE

Phan Trong Nam^{1*} and Nguyen Thi Hanh Xuan²

¹*Research Affairs Office, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

**Corresponding author: Email: ptnam@dthu.edu.vn*

Article history

Received: 23/9/2025; Received in revised form: 14/10/2025; Accepted: 24/10/2025

Abstract

The article presents the findings of a study on the management of educational activities that preserve and promote ethnic cultural identity for students in Ethnic Minority Boarding Schools in Binh Phuoc Province. The study examines management practices under five key functions: planning, organizing and implementing, directing, monitoring and evaluating, and managing enabling conditions. The research employed survey questionnaires and in-depth interviews with school administrators, teachers, and students from Ethnic Minority Boarding Schools across Binh Phuoc Province. The results indicate several positive outcomes. These include administrators, teachers, and students have a clear understanding of the importance of ethnic cultural identity education; ethnic cultural content has been integrated into teaching, extracurricular, and experiential activities; a multicultural educational environment has been established; and the collaboration between schools, families, and communities has gradually become more effective. However, certain limitations are also identified: planning activities remain unsystematic; implementation is often conducted in a campaign-oriented manner; facilities, learning resources, and financial support are still limited; monitoring and evaluation are irregular; and teachers' abilities to organize activities vary considerably. Based on these findings, the study proposes five management measures: (1) improving the quality of planning for ethnic cultural identity education; (2) innovating the organization and implementation of ethnic cultural identity education activities; (3) strengthening the direction of ethnic cultural identity education activities; (4) reforming the monitoring and evaluation of ethnic cultural identity education; and (5) ensuring adequate conditions for the effective implementation of ethnic cultural identity education. These measures are intended to enhance the effectiveness of management practices and contribute to the preservation and promotion of ethnic cultural values in Ethnic Minority Boarding Schools in Binh Phuoc Province..

Keywords: *Binh Phuoc province, educational management, ethnic cultural identity, educational activities, ethnic minority boarding schools.*

1. Giới thiệu

Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc (BSVHDT) là yêu cầu cốt lõi của nền giáo dục Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa, vừa là chuẩn mực chính sách, vừa là động lực phát triển bền vững (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 1998; UNESCO, 2005). Quan điểm giáo dục đa văn hóa cho thấy, việc tích hợp các yếu tố văn hóa vào mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học không chỉ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mà còn bảo đảm tính công bằng và bình đẳng trong tiếp cận tri thức (Banks, 2001, 2015).

Trên bình diện quốc tế, nhiều học giả đã tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa giáo dục và BSVHDT, đặc biệt trong các mô hình dạy học đáp ứng và duy trì văn hóa. Khalifa & cs. (2016) nhấn mạnh vai trò của lãnh đạo nhà trường đáp ứng văn hóa trong việc kiến tạo môi trường học tập công bằng và tôn trọng sự đa dạng. Paris (2012) đề xuất khái niệm sư phạm duy trì văn hóa (culturally sustaining pedagogy), nhấn mạnh việc duy trì, nuôi dưỡng và phát huy giá trị ngôn ngữ – văn hóa của cộng đồng thiểu số trong quá trình giáo dục. Tại New Zealand, Bishop & cs. (2012) thông qua mô hình Te Kotahitanga đã chứng minh tác động tích cực của đào tạo giáo viên đáp ứng văn hóa đối với kết quả học tập và lòng tự hào dân tộc của học sinh Māori. Theo hướng tiếp cận tương đồng, Cole (2024) khẳng định rằng tiếng nói của cộng đồng bản địa cần được đặt ở trung tâm của lãnh đạo nhà trường, còn Lunda & cs. (2024) chỉ ra ba thực hành cốt lõi trong giáo dục bản sắc gồm: sử dụng ngôn ngữ dân tộc, kể chuyện dân gian và tổ chức học tập gắn với không gian văn hóa.

Ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu gần đây đã tiếp cận vấn đề giáo dục BSVHDT ở cả góc độ lý luận và thực tiễn. Nguyễn & cs. (2023) cho rằng quản lý hoạt động giáo dục văn hóa cần được thực hiện đồng bộ qua các khâu lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra; trong khi Chu và Vũ (2024) nhấn mạnh vai trò phối hợp giữa nhà trường, chính quyền và cộng đồng trong bảo tồn văn hóa địa phương. Nghiên cứu của Phạm (2023), Phan và Trần (2025) về các trường PTDTNT Khmer khẳng định hiệu quả của các biện pháp quản lý gắn với thực tiễn văn hóa cộng đồng. Trên phương diện sư phạm ngôn ngữ, Nguyen và Hamid (2017), Nguyen và Huynh (2021), cùng DeJaeghere & cs. (2021) đã chứng minh rằng năng lực văn hóa, niềm tin nghề nghiệp và phương pháp giảng dạy đáp ứng văn hóa của giáo viên có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành căn tính và kết quả học tập của học sinh dân tộc thiểu số. Iyer & cs. (2021) cũng cung cấp bằng chứng cho thấy khi giáo dục gắn với văn hóa, học sinh dân tộc thiểu số có thể đạt được kết quả học tập tích cực và phát triển toàn diện.

Về phương diện quản lý giáo dục, Nguyễn và Nguyễn (2012) khẳng định tiếp cận quản lý theo chức năng là nền tảng cho việc tổ chức, điều hành và kiểm soát hiệu quả các hoạt động giáo dục, còn Trần (2021) nhấn mạnh việc khai thác “quỹ tri thức” của cộng đồng như một hướng đi bền vững để nâng cao chất lượng giáo dục học sinh dân tộc thiểu số. Các luận điểm này cho thấy cần có cách tiếp cận quản lý toàn diện, dựa trên bằng chứng, phát huy sự tham gia của cộng đồng và bảo đảm sự thích ứng văn hóa trong giáo dục.

Bình Phước là tỉnh có nhiều dân tộc cùng sinh sống như S’tiêng, M’ông, Khmer..., trong đó hệ thống các trường PTDTNT giữ vai trò quan trọng trong việc vừa bảo đảm cơ hội học tập cho học sinh dân tộc thiểu số, vừa góp phần duy trì và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có công trình nào khảo sát một cách hệ thống thực trạng quản lý hoạt động giáo dục BSVHDT tại các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước. Do đó, bài báo này hướng đến: (i) phân tích thực trạng và những yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động giáo dục BSVHDT tại các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước; và (ii) đề xuất nhóm biện pháp quản lý phù hợp, có cơ sở khoa học và tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc trong bối cảnh phát triển bền vững.

Nghiên cứu sử dụng thiết kế khảo sát cắt ngang nhằm thu thập dữ liệu về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục BSVHDT tại các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước. Đối tượng

khảo sát gồm 15 cán bộ quản lý (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng), 128 giáo viên và 285 học sinh đại diện ở 7 trường PTDTNT. Phiếu khảo sát được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ, kết hợp câu hỏi mở, phát hành trực tuyến qua Google Forms/Zalo nhóm trường để bảo đảm thuận tiện và độ bao phủ cao. Nội dung khảo sát tập trung vào nhận thức của các nhóm đối tượng về vai trò giáo dục BSVHDT, thực trạng quản lý theo năm chức năng (lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra - đánh giá, bảo đảm điều kiện), sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý. Dữ liệu được làm sạch, mã hóa và xử lý bằng thống kê mô tả (điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC)); thang điểm giải gồm 1,00-1,80: rất thấp; 1,81-2,60: thấp; 2,61-3,40: trung bình; 3,41-4,20: cao; 4,21-5,00: rất cao. Người tham gia khảo sát hoàn toàn tự nguyện và dữ liệu chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học. Phiếu điều tra trực tuyến được đăng tải tại: <https://forms.gle/Sb3HYtNJ4CJK7X5Y6>, <https://forms.gle/SRPG5UnDQrYvk8Ft6>, <https://forms.gle/u2uU6dg5oHYWZuTv7>.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Bình Phước

2.1.1. Nhận thức về vai trò của hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Bình Phước

Kết quả khảo sát cho thấy cả giáo viên và học sinh đều có nhận thức tích cực về vai trò của hoạt động giáo dục BSVHDT trong nhà trường. Điểm trung bình (ĐTB) của các chỉ báo dao động từ 4,53 đến 4,57 đối với giáo viên và từ 4,04 đến 4,30 đối với học sinh, phản ánh sự thống nhất cao về tầm quan trọng của hoạt động này. Trong đó, nội dung “Hỗ trợ phòng tránh tệ nạn xã hội, mê tín, xây dựng lối sống lành mạnh” được đánh giá cao nhất (ĐTB = 4,57 ở giáo viên và 4,30 ở học sinh), thể hiện nhận thức rõ ràng về vai trò định hướng hành vi, hình thành lối sống văn minh và nhân cách học sinh. Ở nội dung “Bồi dưỡng ý thức tự hào, tình yêu quê hương, đất nước, dân tộc”, giáo viên đánh giá ở mức rất cao (ĐTB = 4,56; thứ bậc 2), trong khi học sinh có mức thấp hơn (ĐTB = 4,10; thứ bậc 6), cho thấy việc chuyển hóa nhận thức thành tình cảm, hành vi cụ thể của học sinh vẫn còn hạn chế. Tuy vậy, kết quả phỏng vấn cho thấy nhiều em đã trở nên tự tin hơn khi tham gia các hoạt động trải nghiệm văn hóa, mặc trang phục dân tộc và sinh hoạt câu lạc bộ truyền thống. Ngoài ra, chỉ báo “Tăng cường kỹ năng mềm” cũng được đánh giá cao (ĐTB = 4,53 ở giáo viên và 4,23 ở học sinh), khẳng định hoạt động văn hóa dân tộc không chỉ góp phần giáo dục giá trị văn hóa mà còn phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác và tinh thần gắn kết cộng đồng cho học sinh.

2.1.2. Mức độ biểu hiện bản sắc văn hóa dân tộc của học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Bình Phước

Kết quả khảo sát cho thấy học sinh các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước có mức độ biểu hiện BSVHDT ở mức tốt, được cả giáo viên và học sinh xác nhận. Điểm trung bình (ĐTB) dao động từ 3,91 đến 4,20 theo đánh giá của giáo viên và từ 4,11 đến 4,35 theo đánh giá của học sinh, phản ánh sự thể hiện rõ nét BSVHDT trong hành vi và thái độ. Học sinh đánh giá cao nhất nội dung “Tích cực học và sử dụng ngôn ngữ, chữ viết dân tộc cùng với tiếng phổ thông”, cho thấy sự tự tin hơn trong giao tiếp và sinh hoạt văn hóa. Kết quả phỏng vấn cho thấy học sinh thường xuyên duy trì việc sử dụng tiếng dân tộc trong các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt tập thể và biểu diễn nghệ thuật, qua đó góp phần bảo tồn ngôn ngữ mẹ đẻ. Ở nội dung “Tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng và trách nhiệm với tập thể”, giáo viên và học sinh đều đánh giá cao, đồng thời các ý kiến phỏng vấn khẳng định học sinh ngày càng tích cực, hợp tác và gắn bó hơn trong các hoạt động văn hóa – xã hội. Dù giáo viên kỳ vọng cao hơn về khả năng lan tỏa văn hóa của học sinh, kết quả phỏng vấn cho thấy sự hỗ trợ từ nhà trường và cộng đồng đã giúp các em tự tin tham gia hội diễn, lễ hội, và giới thiệu nét đẹp văn hóa dân tộc.

Nhìn chung, học sinh PTDTNT Bình Phước thể hiện rõ tinh thần tự hào, ý thức giữ gìn và phát huy BSVHDT qua nhiều hoạt động học tập và trải nghiệm.

2.1.3. Mức độ triển khai hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Bình Phước

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động giáo dục BSVHDT ở các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước được triển khai ở mức tốt. ĐTB dao động từ 4,13 đến 4,22 theo giáo viên và từ 4,01 đến 4,19 theo học sinh, phản ánh sự thống nhất tương đối giữa hai nhóm, dù giáo viên thường đánh giá cao hơn. Hoạt động được đánh giá cao nhất là “Mời nghệ nhân, người lớn tuổi hoặc chuyên gia văn hóa tham gia chia sẻ, hướng dẫn” (GV: 4,22; HS: 4,19). Kết quả phỏng vấn cho thấy việc mời nghệ nhân và người có uy tín tham gia giúp tăng tính trải nghiệm, khơi dậy hứng thú và giúp học sinh tiếp cận trực tiếp giá trị văn hóa dân tộc. Các hoạt động trải nghiệm thực tế như tham quan di tích, lễ hội, làng nghề cũng được đánh giá tích cực, thể hiện nỗ lực gắn kết giáo dục nhà trường với đời sống văn hóa cộng đồng. Một số trường còn khuyến khích học sinh thực hiện dự án, sản phẩm sáng tạo như mô hình nhà sàn, trình diễn trang phục, chế tác sản phẩm thủ công, qua đó giúp các em hiểu sâu hơn về văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, hoạt động tích hợp nội dung văn hóa dân tộc vào các môn học và sử dụng học liệu trực quan vẫn được đánh giá thấp hơn, phản ánh hạn chế trong việc lồng ghép văn hóa vào chương trình chính khóa. Phỏng vấn cho thấy việc tích hợp chủ yếu diễn ra ở các môn như Ngữ văn, Lịch sử, Nghệ thuật, trong khi các môn khác còn hạn chế. Nhìn chung, hoạt động giáo dục BSVHDT tại các trường PTDTNT Bình Phước đã đạt hiệu quả tốt nhờ phát huy được yếu tố cộng đồng và tính thực hành, song cần tăng cường sự đồng bộ trong tích hợp nội dung và sử dụng học liệu bổ trợ.

2.1.4. Mức độ sử dụng các phương pháp và hình thức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Bình Phước

Kết quả khảo sát cho thấy các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước đã triển khai đa dạng phương pháp và hình thức giáo dục BSVHDT ở mức tốt. Điểm trung bình (ĐTB) dao động từ 3,95 đến 4,21 theo giáo viên và 4,07 đến 4,13 theo học sinh, cho thấy sự thống nhất tương đối giữa hai nhóm. Phương pháp được đánh giá cao nhất là “Sử dụng sách giáo khoa, tài liệu bổ sung và học liệu trực tuyến về văn hóa dân tộc trong giảng dạy” (GV: 4,21; HS: 4,13), phản ánh xu hướng tăng cường học liệu trực quan và nguồn tài liệu số. Tuy nhiên, phỏng vấn cho thấy học liệu hiện còn hạn chế về tính phong phú và cập nhật, chủ yếu dừng lại ở tranh ảnh, video và tài liệu địa phương. Hoạt động “Tích hợp kiến thức văn hóa dân tộc trong các môn học” được giáo viên đánh giá cao (4,15) nhưng học sinh lại xếp thấp (4,07), cho thấy việc lồng ghép còn chưa đồng đều giữa các môn, tập trung chủ yếu ở Ngữ văn, Lịch sử, và Nghệ thuật. Các hình thức ngoại khóa như câu lạc bộ, hội thi, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động trải nghiệm, dự án, trò chơi dân gian đều được đánh giá tích cực, giúp học sinh rèn kỹ năng, tăng tính tự tin và gắn kết cộng đồng. Trong khi đó, hoạt động tham quan di tích, làng nghề được học sinh yêu thích hơn giáo viên, cho thấy sức hấp dẫn của trải nghiệm thực tế nhưng vẫn gặp hạn chế về nguồn lực và kinh phí. Nhìn chung, việc sử dụng phương pháp và hình thức giáo dục BSVHDT ở các trường PTDTNT Bình Phước đã mang lại hiệu quả tích cực, song cần tăng cường tích hợp nội dung văn hóa dân tộc trong chương trình chính khóa và mở rộng quy mô hoạt động trải nghiệm.

2.1.5. Thực trạng về điều kiện đảm bảo cho hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Bình Phước

Kết quả khảo sát cho thấy các điều kiện đảm bảo cho hoạt động giáo dục BSVHDT ở các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước đạt mức tốt, song vẫn có sự khác biệt giữa giáo viên và học sinh. Giáo viên đánh giá cao nhất chính sách, sự quan tâm và hỗ trợ của lãnh đạo nhà trường, chính quyền và cơ quan quản lý giáo dục (ĐTB = 4,14), cho thấy vai trò định hướng

và giám sát có ý nghĩa quan trọng. Trong khi đó, học sinh xếp cao nhất nguồn lực tài chính và ngân sách (ĐTB = 4,16), phản ánh tác động trực tiếp của yếu tố này đến việc tham gia các hoạt động văn hóa, lễ hội, trải nghiệm. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy nhiều hoạt động chỉ có thể thực hiện khi được bảo đảm kinh phí. Về đội ngũ giáo viên, cả hai nhóm đều đánh giá tích cực (GV: 3,90; HS: 4,12), cho thấy sự nhiệt tình và am hiểu văn hóa dân tộc, song vẫn cần bồi dưỡng thêm kỹ năng tích hợp. Các điều kiện về tài liệu, học liệu và sự phối hợp của phụ huynh, cộng đồng được đánh giá ở mức tốt, nhưng còn hạn chế về tính phong phú và đồng đều giữa các trường. Riêng cơ sở vật chất, trang thiết bị là điểm yếu (GV: 3,40), chưa đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động. Nhìn chung, điều kiện đảm bảo cho giáo dục BSVHDT tại các trường PTDTNT Bình Phước đã được quan tâm, song cần tăng đầu tư về học liệu, cơ sở vật chất và tài chính để phát triển bền vững.

2.1.6. Một số thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động giáo dục BSVHDT tại các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước có nhiều thuận lợi nhưng cũng đối mặt không ít khó khăn.

Về thuận lợi, cả giáo viên và học sinh đều đánh giá cao sự phát triển của công nghệ thông tin (GV: 4,12; HS: 4,12), giúp việc dạy và học văn hóa dân tộc linh hoạt, sinh động hơn thông qua học liệu số và nền tảng trực tuyến. Học sinh đánh giá cao cơ sở vật chất và không gian văn hóa (4,14), thể hiện sự hài lòng với môi trường học tập ngày càng được cải thiện. Sự tham gia của phụ huynh, cộng đồng và nghệ nhân (GV: 4,03; HS: 4,07) được xem là yếu tố then chốt tạo tính thực tiễn cho hoạt động, trong khi sự quan tâm của chính quyền và cơ quan quản lý cũng góp phần bảo đảm tính ổn định và định hướng cho công tác giáo dục BSVHDT. Ngoài ra, tinh thần tích cực, ý thức gìn giữ văn hóa của học sinh là cơ sở quan trọng giúp các hoạt động triển khai thuận lợi.

Tuy nhiên, khó khăn vẫn còn hiện hữu. Giáo viên cho rằng thiếu đội ngũ chuyên sâu về văn hóa dân tộc (3,73) là rào cản lớn, khiến việc lồng ghép kiến thức chưa đồng đều; học sinh lại gặp trở ngại về tiếp cận tài liệu số và hạ tầng công nghệ thông tin (4,12), nhất là ở vùng sâu. Học liệu chuyên sâu và tài liệu song ngữ còn hạn chế (GV: 3,71; HS: 4,10), trong khi nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động. Một khó khăn khác là ảnh hưởng của văn hóa hiện đại và áp lực chương trình chính khóa, khiến học sinh có ít thời gian tham gia hoạt động văn hóa dân tộc. Nhìn chung, bên cạnh những điều kiện thuận lợi về chính sách, công nghệ và sự đồng hành của cộng đồng, các trường PTDTNT Bình Phước vẫn cần được hỗ trợ thêm về nhân lực, hạ tầng và tài chính để đảm bảo tính bền vững trong giáo dục BSVHDT.

2.2. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của các trường phổ thông dân tộc trú ở tỉnh Bình Phước

2.2.1. Thực trạng về công tác lập kế hoạch hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của nhà trường

Bảng 1. Kết quả đánh giá về công tác lập kế hoạch hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của nhà trường

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Xác định rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của kế hoạch giáo dục BSVHDT phù hợp với từng cấp học và nhóm đối tượng học sinh	4,03	0,94
2	Đánh giá thực trạng và nhu cầu thực tế của học sinh, giáo viên và cộng đồng về giáo dục BSVHDT trước khi lập kế hoạch	4,04	0,92

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
3	Xây dựng chương trình, nội dung giáo dục tích hợp vào các môn học và hoạt động ngoại khoá phù hợp với điều kiện nhà trường	3,94	0,92
4	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, học liệu và nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động giáo dục BSVHDT	4,04	0,89
5	Lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về kiến thức và phương pháp giáo dục BSVHDT	4,06	0,87
6	Xây dựng kế hoạch truyền thông và huy động sự tham gia của phụ huynh, cộng đồng nhằm nâng cao hiệu quả triển khai hoạt động	4,05	0,90

Kết quả khảo sát cho thấy công tác lập kế hoạch giáo dục BSVHDT tại các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước được đánh giá ở mức tốt, với điểm trung bình từ 3,94 đến 4,06. Các trường đã chú trọng xây dựng kế hoạch phù hợp thực tiễn và đặc thù học sinh dân tộc thiểu số. Tiêu chí được đánh giá cao nhất là lập kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ giáo viên (ĐTB = 4,06), thể hiện sự quan tâm của nhà trường đến việc nâng cao năng lực triển khai giáo dục BSVHDT. Qua phỏng vấn, giáo viên cho biết các buổi tập huấn và chuyên đề về văn hóa dân tộc giúp họ tự tin, linh hoạt hơn trong giảng dạy và tổ chức hoạt động trải nghiệm. Tiêu chí huy động sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng (ĐTB = 4,05) cũng được đánh giá cao; nhiều trường mời phụ huynh và nghệ nhân tham gia hướng dẫn học sinh trong hội thi, lễ hội, góp phần tạo sức lan tỏa văn hóa trong cộng đồng. Hoạt động chuẩn bị học liệu và nguồn lực hỗ trợ (ĐTB = 4,04) được thực hiện thường xuyên nhưng học liệu song ngữ và tài liệu đặc thù còn hạn chế. Hai tiêu chí đạt điểm thấp hơn là xác định mục tiêu cụ thể (4,03) và xây dựng nội dung tích hợp (3,94), cho thấy việc cụ thể hóa mục tiêu và lồng ghép văn hóa dân tộc vào môn học chưa thật đồng đều. Nhìn chung, công tác lập kế hoạch có nền tảng tốt nhưng cần chi tiết và gắn hơn với thực tiễn lớp học.

2.2.2. Thực trạng về công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của nhà trường

Bảng 2. Kết quả đánh giá về công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của nhà trường

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Thành lập ban chỉ đạo và các nhóm công tác để triển khai hoạt động giáo dục BSVHDT	4,01	0,97
2	Phân công nhiệm vụ rõ ràng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và các lực lượng liên quan	3,99	0,91
3	Phổ biến kế hoạch chi tiết đến toàn thể giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường	4,06	0,89
4	Tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp trong môn học và hoạt động ngoại khóa về BSVHDT	4,11	0,88
5	Phối hợp với phụ huynh, cộng đồng, nghệ nhân và các tổ chức văn hoá trong việc triển khai hoạt động	3,96	0,96
6	Tạo điều kiện và khuyến khích sự tham gia tích cực của học sinh trong các hoạt động giáo dục BSVHDT	4,06	0,91

Kết quả khảo sát cho thấy công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục BSVHDT tại các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước được đánh giá ở mức tốt, với điểm trung bình từ 3,96 đến 4,11. Tiêu chí được đánh giá cao nhất là tổ chức các hoạt động tích hợp trong môn học và ngoại khóa (ĐTB = 4,11). Qua phỏng vấn, giáo viên cho biết các hoạt động lồng ghép văn hóa dân tộc trong môn Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân, cùng sinh hoạt câu lạc bộ, hội thi và trò chơi dân gian đã giúp học sinh hứng thú, hiểu sâu về văn hóa dân tộc và tăng cường kỹ năng giao tiếp, hợp tác. Hai tiêu chí phổ biến kế hoạch và khuyến khích học sinh tham gia tích cực (ĐTB = 4,06) phản ánh sự đồng bộ trong chỉ đạo và tổ chức; học sinh được định hướng và tham gia tự giác, nhiều trường còn tạo điều kiện cho học sinh mặc trang phục dân tộc trong các dịp lễ hội. Tuy nhiên, các tiêu chí thành lập ban chỉ đạo (ĐTB = 4,01) và phân công nhiệm vụ cụ thể (ĐTB = 3,99) cho thấy vẫn còn hiện tượng phân công kiêm nhiệm, thiếu sâu sát. Đặc biệt, phối hợp với phụ huynh và cộng đồng (ĐTB = 3,96) được đánh giá thấp nhất, cho thấy hoạt động liên kết ngoài nhà trường chưa thường xuyên. Nhìn chung, công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục BSVHDT đạt kết quả tích cực, nhưng cần mở rộng phối hợp cộng đồng và tăng tính trải nghiệm để phát huy bền vững giá trị văn hóa dân tộc.

2.2.3. Thực trạng về công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của nhà trường

Bảng 3. Kết quả đánh giá về công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của nhà trường

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Ban giám hiệu chỉ đạo kịp thời việc triển khai các hoạt động giáo dục BSVHDT	3,98	0,95
2	Công tác chỉ đạo huy động được sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận trong nhà trường	4,07	0,85
3	Công tác chỉ đạo phát huy trách nhiệm, năng lực và vai trò chủ động của giáo viên	4,06	0,86
4	Nhà trường khuyến khích và tạo động lực cho học sinh tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục BSVHDT	4,01	0,94
5	Ban giám hiệu huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực bên ngoài (phụ huynh, cộng đồng, nghệ nhân, tổ chức văn hoá) để hỗ trợ hoạt động	4,05	0,89
6	Công tác điều hành đảm bảo sự phối hợp hiệu quả giữa nhà trường – gia đình – xã hội trong giáo dục BSVHDT	4,01	1,04

Kết quả khảo sát cho thấy công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục BSVHDT tại các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước đạt mức tốt, với điểm trung bình từ 3,98 đến 4,07. Tiêu chí được đánh giá cao nhất là huy động sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận trong nhà trường (ĐTB = 4,07), thể hiện vai trò điều phối của ban giám hiệu trong việc liên kết giữa giáo viên chủ nhiệm, bộ môn, Đoàn – Đội và cán bộ phụ trách hoạt động. Qua phỏng vấn, giáo viên cho biết sự phân công rõ ràng giúp hoạt động được triển khai đồng bộ, tránh chồng chéo và đạt hiệu quả cao. Tiêu chí phát huy vai trò chủ động của giáo viên (ĐTB = 4,06) phản ánh nỗ lực khuyến khích giáo viên đề xuất sáng kiến, đổi mới phương pháp và tham gia tập huấn nâng cao năng lực. Bên cạnh đó, việc huy động nguồn lực bên ngoài (ĐTB = 4,05) cũng được chú trọng, nhiều trường phối hợp với bảo tàng, nghệ nhân và các tổ chức văn hóa tổ chức trải nghiệm thực tế, giúp học sinh tiếp cận sinh động giá trị truyền thống. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội (ĐTB = 4,01) và chỉ đạo kịp thời của ban giám hiệu (ĐTB

= 3,98) còn hạn chế, chủ yếu diễn ra trong các dịp lễ hội lớn. Nhìn chung, công tác chỉ đạo đã phát huy vai trò quản lý, khuyến khích sáng tạo, song cần linh hoạt hơn trong điều hành và mở rộng phối hợp cộng đồng để nâng cao hiệu quả và tính bền vững của giáo dục BSVHDT.

2.2.4. Thực trạng về công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của nhà trường

Bảng 4. Kết quả đánh giá về công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của nhà trường

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Công tác kiểm tra, đánh giá được thực hiện đúng quy định và kế hoạch đã đề ra	3,89	0,99
2	Kiểm tra, đánh giá kịp thời phát hiện và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện	3,97	0,94
3	Hoạt động đánh giá đảm bảo tính khách quan, chính xác và công bằng đối với giáo viên và học sinh	3,99	0,93
4	Công tác kiểm tra, đánh giá tập trung vào việc phát triển năng lực, kỹ năng và thái độ của học sinh	3,98	0,95
5	Kết quả kiểm tra, đánh giá làm rõ được điểm mạnh, điểm yếu và định hướng cải tiến hoạt động giáo dục BSVHDT	3,96	0,93
6	Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết hợp hài hòa giữa định tính và định lượng, có sự tham gia của các bên liên quan	4,06	0,87

Kết quả khảo sát cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục BSVHDT tại các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước được thực hiện ở mức tốt, với điểm trung bình từ 3,89 đến 4,06. Tiêu chí cao nhất là kết hợp hài hòa giữa định tính và định lượng, có sự tham gia của các bên liên quan (ĐTB = 4,06), cho thấy nhiều trường đã đổi mới phương thức đánh giá qua bài viết, sản phẩm học tập, thuyết trình và phản hồi từ giáo viên, học sinh, phụ huynh. Qua phỏng vấn, giáo viên cho biết hình thức này giúp nhận diện rõ hơn năng lực, thái độ và mức độ hiểu biết văn hóa của học sinh. Các tiêu chí về tính khách quan, chính xác (3,99), tập trung phát triển năng lực, kỹ năng và thái độ (3,98) và làm rõ điểm mạnh – điểm yếu để cải tiến hoạt động (3,96) được đánh giá khá tốt, thể hiện sự chuyển hướng từ đánh giá kết quả sang đánh giá năng lực. Tuy nhiên, tiêu chí thực hiện đúng quy định và kế hoạch có điểm thấp nhất (3,89), phản ánh một số trường vẫn tiến hành kiểm tra hình thức, dồn vào cuối kỳ, chưa thường xuyên. Một số giáo viên chia sẻ việc đánh giá chưa kịp thời khiến khó phát hiện sớm hạn chế của học sinh để điều chỉnh. Nhìn chung, hoạt động kiểm tra – đánh giá đã có bước tiến rõ nét, nhưng cần tăng cường tính định kỳ, nâng cao năng lực đánh giá của giáo viên và bảo đảm phản hồi kịp thời nhằm nâng cao chất lượng giáo dục BSVHDT.

2.2.5. Thực trạng về công tác quản lý các điều kiện cho hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của nhà trường

Bảng 5. Kết quả đánh giá về quản lý các điều kiện cho hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của nhà trường

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giáo dục BSVHDT	4,00	0,94

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
2	Quản lý tài liệu, học liệu và nguồn tài nguyên liên quan đến BSVHDT	3,99	0,94
3	Quản lý đội ngũ giáo viên và nhân viên tham gia thực hiện hoạt động giáo dục BSVHDT	4,04	0,89
4	Quản lý nguồn ngân sách và tài chính phục vụ cho hoạt động giáo dục BSVHDT	4,05	0,90
5	Quản lý sự phối hợp với phụ huynh và gia đình học sinh trong các hoạt động giáo dục BSVHDT	3,99	0,96
6	Quản lý sự phối hợp với cộng đồng, nghệ nhân, chuyên gia văn hoá và các tổ chức xã hội để hỗ trợ hoạt động giáo dục	3,96	0,95

Kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lý các điều kiện phục vụ hoạt động giáo dục BSVHDT tại các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước được đánh giá khá tốt, với điểm trung bình từ 3,96 đến 4,05. Tiêu chí đạt điểm cao nhất là quản lý nguồn ngân sách và tài chính (ĐTB = 4,05), thể hiện nỗ lực của các trường trong việc phân bổ, sử dụng kinh phí hợp lý để mua sắm thiết bị, tài liệu và tổ chức hoạt động văn hóa dân tộc. Qua phỏng vấn, giáo viên cho biết một số trường còn chủ động huy động thêm nguồn xã hội hóa, song kinh phí vẫn hạn chế, khiến quy mô hoạt động chưa ổn định. Tiêu chí quản lý đội ngũ giáo viên và nhân viên (ĐTB = 4,04) cũng được đánh giá cao, phản ánh sự quan tâm trong phân công, bồi dưỡng năng lực cho giáo viên; tuy nhiên, vẫn thiếu giáo viên am hiểu sâu về văn hóa dân tộc. Các tiêu chí về cơ sở vật chất và học liệu (ĐTB = 4,00 và 3,99) cho thấy đầu tư ở mức tốt, nhiều trường có phòng văn hóa dân tộc, góc trưng bày, song học liệu song ngữ và tư liệu đặc thù còn ít. Hai tiêu chí về phối hợp với phụ huynh và cộng đồng (ĐTB = 3,99 và 3,96) được đánh giá thấp nhất, thể hiện sự hợp tác chưa thường xuyên. Nhìn chung, công tác quản lý điều kiện bảo đảm cho giáo dục BSVHDT đã đạt kết quả tích cực, đặc biệt ở quản lý tài chính và nhân lực, nhưng cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đa dạng học liệu và mở rộng phối hợp với cộng đồng để phát triển bền vững.

2.2.6. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của các trường phổ thông dân tộc trú ở tỉnh Bình Phước

Kết quả khảo sát cho thấy các yếu tố khách quan và chủ quan đều ảnh hưởng mạnh mẽ đến công tác quản lý hoạt động giáo dục BSVHDT tại các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước, trong đó ảnh hưởng nổi bật thuộc về điều kiện kinh tế - xã hội, công nghệ, môi trường học tập và năng lực nội bộ của nhà trường.

Thứ nhất, về các yếu tố khách quan, mức độ ảnh hưởng tương đối đồng đều (ĐTB từ 3,97-4,04). Nổi bật là điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và sự phát triển của công nghệ, phương tiện truyền thông, giúp mở rộng cơ hội tiếp cận học liệu và tổ chức hoạt động giáo dục BSVHDT. Tuy nhiên, ở vùng sâu, vùng xa, khó khăn về kinh tế và hạ tầng mạng vẫn là rào cản, ảnh hưởng đến quy mô và hiệu quả triển khai.

Thứ hai, về các yếu tố chủ quan, tất cả đều đạt mức cao (ĐTB từ 4,05-4,10), phản ánh nội lực của nhà trường giữ vai trò quyết định. Nổi bật là môi trường học tập gắn với văn hóa dân tộc và sự chủ động, tích cực của học sinh, bên cạnh năng lực chuyên môn của giáo viên và sự chỉ đạo của Ban giám hiệu. Đây là những yếu tố trực tiếp chi phối chất lượng và tính bền vững của hoạt động giáo dục BSVHDT.

Thứ ba, xét tổng thể, quản lý hoạt động giáo dục BSVHDT chịu tác động đồng thời từ điều kiện bên ngoài và nội lực bên trong. Muốn nâng cao hiệu quả, các trường cần phát huy

nguồn lực nội tại (giáo viên, học sinh, môi trường học tập), đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ từ chính quyền, cộng đồng và điều kiện kinh tế - xã hội địa phương để tạo ra mô hình quản lý toàn diện, gắn kết và bền vững.

2.3. Đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc của các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Bình Phước

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn đã trình bày ở các mục trước, việc đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục BSVHDT trong các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của công tác giáo dục BSVHDT, góp phần thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW. Các biện pháp này không chỉ mang tính kỹ thuật, mà còn là định hướng chiến lược lâu dài, được xây dựng trên cơ sở vận dụng lý luận quản lý giáo dục, kế thừa kinh nghiệm thực tiễn và phù hợp với đặc thù vùng miền, cũng như đặc điểm đối tượng học sinh dân tộc thiểu số của tỉnh Bình Phước. Trên nền tảng đó, đề tài xác định sáu biện pháp quản lý trọng tâm, bao quát toàn diện quá trình tổ chức và phát triển hoạt động giáo dục BSVHDT trong các trường PTDTNT:

(1) Nâng cao nhận thức và bồi dưỡng năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh, nhằm hình thành nhận thức sâu sắc về ý nghĩa, vai trò của giáo dục BSVHDT; đồng thời bồi dưỡng kỹ năng tổ chức hoạt động và tinh thần trách nhiệm trong việc giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

(2) Đổi mới công tác lập kế hoạch giáo dục BSVHDT theo hướng khoa học, khả thi và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương; kế hoạch cần được xây dựng trên cơ sở khảo sát thực tiễn, có mục tiêu, nội dung, nguồn lực rõ ràng, đồng thời đảm bảo tính hệ thống và định hướng phát triển bền vững.

(3) Tăng cường tổ chức hoạt động trải nghiệm và ngoại khóa, tạo cơ hội để học sinh được tiếp xúc, thực hành trực tiếp trong không gian văn hóa dân tộc, qua đó hình thành năng lực, kỹ năng, thái độ tích cực và niềm tự hào về truyền thống dân tộc.

(4) Đa dạng hóa phương pháp và hình thức giáo dục BSVHDT, kết hợp linh hoạt giữa lý thuyết và thực hành, vận dụng các phương pháp hiện đại như dạy học dự án, học tập qua trải nghiệm, trò chơi dân gian, sân khấu hóa; đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin và học liệu số nhằm tăng tính hấp dẫn, sáng tạo và hiệu quả trong dạy học.

(5) Huy động nguồn lực và tăng cường phối hợp giữa nhà trường – gia đình – cộng đồng – các tổ chức xã hội, hình thành mạng lưới giáo dục mở, huy động tối đa các nguồn lực vật chất và tinh thần, đồng thời lan tỏa giá trị văn hóa dân tộc ra ngoài phạm vi nhà trường, gắn kết với thực tiễn đời sống xã hội.

(6) Tăng cường kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hoạt động giáo dục BSVHDT theo hướng phát triển bền vững, bảo đảm quá trình quản lý có sự phản hồi, giám sát thường xuyên; kịp thời phát hiện những hạn chế, nhân rộng mô hình hiệu quả và duy trì chất lượng ổn định lâu dài.

Sáu biện pháp này có mối quan hệ hữu cơ, tác động qua lại và hỗ trợ lẫn nhau, tạo thành chu trình quản lý khép kín: từ nâng cao nhận thức – lập kế hoạch – tổ chức triển khai – huy động nguồn lực – kiểm tra, đánh giá – đến điều chỉnh và hoàn thiện. Trong đó, biện pháp thứ nhất giữ vai trò nền tảng tư tưởng; các biện pháp giữa là động lực triển khai thực tiễn; còn biện pháp cuối cùng đảm nhận chức năng giám sát, phản hồi và phát triển. Việc thực hiện đồng bộ, linh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng trường sẽ giúp hoạt động giáo dục BSVHDT trong các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước trở nên thực chất, sáng tạo và bền vững,

vừa góp phần giữ gìn và phát huy di sản văn hóa dân tộc, vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập xã hội hiện nay.

3. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy giáo dục BSVHDT tại các trường PTDTNT tỉnh Bình Phước đạt mặt bằng khá ở hai phương diện: tổ chức hoạt động cho học sinh và quản lý theo chức năng. Nhận thức của đội ngũ và học sinh về vai trò văn hóa dân tộc ở mức cao; triển khai có ưu điểm ở kết nối nghệ nhân-cộng đồng, tổ chức trải nghiệm và đa dạng phương pháp. Ở phía quản lý, kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, phổ biến kế hoạch và điều phối nội bộ được thực hiện nền nếp; công tác đánh giá đã kết hợp định tính-định lượng và có sự tham gia các bên liên quan.

Ba khoảng trống chính vẫn tồn tại: (1) lồng ghép văn hóa dân tộc trong chương trình chính khóa chưa đồng đều, thiếu học liệu đặc thù và song ngữ; (2) nguồn lực chưa ổn định (cơ sở vật chất chênh lệch, hạ tầng CNTT và tài chính hạn chế ở vùng sâu); (3) liên kết nhà trường - gia đình - cộng đồng chưa thường xuyên, chỉ đạo điều chỉnh đôi lúc chưa kịp thời. Tác động nổi bật đến hiệu quả gồm điều kiện kinh tế-xã hội và công nghệ (khách quan) cùng môi trường học tập giàu bản sắc và động lực chủ động của học sinh (chủ quan).

Bài báo đề xuất sáu biện pháp quản lý theo chu trình cải tiến liên tục: nâng cao nhận thức-năng lực; đổi mới lập kế hoạch dựa trên nhu cầu; tăng cường trải nghiệm gắn cộng đồng; đa dạng hóa phương pháp và học liệu số; huy động nguồn lực, thiết lập cơ chế phối hợp bền chặt; tăng cường kiểm tra - điều chỉnh. Hàm ý: Sở Giáo dục và Đào tạo ưu tiên ngân sách/học liệu cho trường vùng khó; nhà trường chuẩn hóa tiêu chí đánh giá, thiết kế học phần tích hợp theo môn; địa phương và thiết chế văn hóa trở thành đối tác đồng kiến tạo.

Lời cảm ơn: *Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài mã số B2024-SPD-01.*

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (1998). *Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.*
- Banks, J. A. (2001). *Cultural diversity and education: Foundations, curriculum, and teaching* (4th ed.). Allyn and Bacon.
- Banks, J. A. (2015). *Cultural diversity and education: Foundations, curriculum, and teaching* (6th ed.). Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781315622255>.
- Bishop, R., Berryman, M., Wearmouth, J., Peter, M., & Clapham, S. (2012). Professional development, changes in teacher practice and improvements in Indigenous students' performance: A case study from New Zealand. *Teaching and Teacher Education*, 28(5), 694–705. <https://doi.org/10.1016/j.tate.2012.02.002>.
- Chu, V. B. T., & Vũ, T. M. (2024). Giáo dục bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ ở tỉnh Đắk Lắk – Thực trạng và những vấn đề đặt ra. *Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Phát triển*, 3(3), 61–70. <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v3i3.172>.
- Cole, A. (2024). Transformative school leadership that privileges the voices of Aboriginal and Torres Strait Islander peoples. *The Australian Journal of Indigenous Education*, 53(2), 1–10. <https://doi.org/10.55146/ajie.v53i2.1098>.

- DeJaeghere, J., Dao, V., Duong, B.-H., & Luong, P. (2021). Learning inequities in Vietnam: Teachers' beliefs about and classroom practices for ethnic minorities. *Compare*, 51(3), 399–416. <https://doi.org/10.1080/03057925.2021.1924621>.
- Iyer, P., Rolleston, C., & Vu, T. T. H. (2021). Equitable, quality education for ethnic minority students? A case of “positive deviance” in Vietnam. *Comparative Education Review*, 65(3), 467–492. <https://doi.org/10.1086/714962>.
- Khalifa, M. A., Gooden, M. A., & Davis, J. E. (2016). Culturally responsive school leadership: A synthesis of the literature. *Review of Educational Research*, 86(4), 1272–1311. <https://doi.org/10.3102/0034654316630383>.
- Lunda, A., Madden, K., Ritchie, J., & Smith, L. (2024). Supporting the cultural identity development of Indigenous youth: Findings from an Indigenous educators' community-of-practice. *Education Sciences*, 14(12), 1272. <https://doi.org/10.3390/educsci14121272>.
- Nguyễn, M. T., Đinh, C. C., & Lê, T. Q. L. (2023). Quản lý hoạt động giáo dục văn hoá truyền thống cho học sinh trung học cơ sở. *TNU Journal of Science and Technology*, 228(16), 244–249. <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9399>.
- Nguyễn, Q. C., & Nguyễn, T. M. L. (2012). *Giáo trình khoa học quản lý*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn, T. T. H. (2023). Vai trò giáo dục văn hoá dân tộc của nhà chùa Khmer Nam Bộ. *HIU Journal of Science*, 23, 43–50. <https://doi.org/10.59294/HIUPS.23.2023.337>.
- Nguyen, C. D., & Huynh, T.-N. (2021). Teacher agency in culturally responsive teaching: Learning to teach ethnic minority students in the Central Highlands of Vietnam. *Educational Review*, 75(5), 835–857. <https://doi.org/10.1080/00131911.2021.1974346>.
- Nguyen, T. T. T., & Hamid, M. O. (2017). Subtractive schooling and identity: A case study of ethnic minority students in Vietnam. *Journal of Language, Identity & Education*, 16(3), 142–156. <https://doi.org/10.1080/15348458.2017.1286990>.
- Paris, D. (2012). Culturally sustaining pedagogy: A needed change in stance, terminology, and practice. *Educational Researcher*, 41(3), 93–97. <https://doi.org/10.3102/0013189X12441244>.
- Phạm, H. L. (2023). Giáo dục ở vùng đồng bào Khmer tại Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông An Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(04S), 221–230. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.04S.2023.1209>.
- Phan, T. N., & Trần, S. (2025). Measures to manage national cultural identity education activities for Khmer students in ethnic minority boarding schools in Soc Trang province. *Dong Thap University Journal of Science*, 13(04S), 248–263. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.04S.2024.1464>.
- Trần, T. T. H. (2021). Giáo dục dựa vào “quỹ tri thức” của học sinh: Cơ hội cho giáo dục học sinh dân tộc thiểu số ở Việt Nam. *VNU Journal of Science: Education Research*, 37(3), 33–43. <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4557>.
- UNESCO. (2005). *Convention on the Protection and Promotion of the Diversity of Cultural Expressions*. Paris: UNESCO.